

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NAM CẦN THƠ**



TRẦN DUY TẤN

**CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN Ý ĐỊNH
THAM GIA SẢN XUẤT KINH DOANH TRONG
HỢP TÁC XÃ NÔNG NGHIỆP CỦA NGƯỜI
NÔNG DÂN HUYỆN VĨNH THẠNH,
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

LUẬN VĂN THẠC SĨ

Chuyên ngành: Quản trị Kinh doanh

Mã ngành: 8340101

Cần Thơ, 11/2022

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NAM CẦN THƠ**



TRẦN DUY TẤN

**CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN Ý ĐỊNH
THAM GIA SẢN XUẤT KINH DOANH TRONG
HỢP TÁC XÃ NÔNG NGHIỆP CỦA NGƯỜI
NÔNG DÂN HUYỆN VĨNH THẠNH,
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

LUẬN VĂN THẠC SĨ

Chuyên ngành: Quản trị Kinh doanh

Mã ngành: 8340101

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC

PGS-TS. ĐÀO DUY HUÂN

Cần Thơ, 11/2022

TRANG CHẤP THUẬN CỦA HỘI ĐỒNG

Luận văn/Đề án này, với đề tựa là “Các nhân tố ảnh hưởng đến ý định tham gia SXKD trong hợp tác xã Nông nghiệp của người nông dân Huyện Vĩnh Thạnh, Thành phố Cần Thơ”, do học viên Trần Duy Tấn thực hiện theo sự hướng dẫn của PGS.TS Đào Duy Huân Luận văn/Đề án đã báo cáo và được Hội đồng chấm luận văn/đề án thông qua ngày 15/10/2022.

Ủy viên
(Ký tên)



TS. Vũ Văn Đông
Phản biện 1
(Ký tên)

Thư ký
(Ký tên)



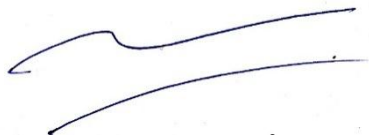
TS. Nguyễn Hồng Gám
Phản biện 2
(Ký tên)



TS. Nguyễn Minh Tiên
Cán bộ hướng dẫn
(Ký tên)



PGS-TS. Nguyễn Hải Quang
Chủ tịch Hội đồng
(Ký tên)



PGS.TS. Đào Duy Huân



PGS-TS. Nguyễn Tri Khiêm

NHẬN XÉT CỦA CÁN BỘ HƯỚNG DẪN KHOA HỌC

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

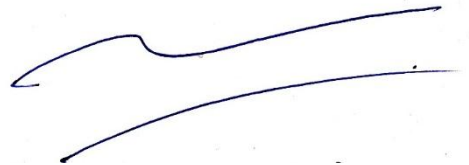
.....

.....

.....

.....

Cần Thơ, ngày ... tháng ... năm 2022



PGS-TS. Đào Duy Huân

LỜI CẢM ƠN

Trước tiên, Tôi xin bày tỏ lòng cảm ơn sâu sắc tới quý Thầy, Cô trường Đại học Nam Cần Thơ đã tận tình giảng dạy và truyền đạt kiến thức quý báu cho tôi trong suốt quá trình học. Tôi xin cảm ơn PGS.TS. Đào Duy Huân đã tận tình hướng dẫn tôi hoàn thành nghiên cứu này.

Tôi xin chân thành cảm ơn tất cả bạn bè, các anh chị học viên lớp đã cùng tôi trao đổi học tập, chia sẻ kinh nghiệm, giúp đỡ tôi trong quá trình thực hiện nghiên cứu này.

Sau cùng là người thân trong gia đình đã luôn ủng hộ, chia sẻ và động viên tinh thần cho tôi trong suốt quá trình học tập và thực hiện nghiên cứu này.

Xin chân thành cảm ơn!

Cần Thơ, ngày 10 tháng 10 năm 2022

TÁC GIẢ LUẬN VĂN



Trần Duy Tấn

TÓM TẮT

Nghiên cứu với mục tiêu phân tích thực trạng tham gia hoạt động SXKD trong HTX nông nghiệp của huyện Vĩnh Thạnh; Xác định các nhân tố ảnh hưởng đến ý định tham gia SXKD trong HTX của người nông dân huyện Vĩnh Thạnh; Mức độ ảnh hưởng của từng nhân tố đến ý định tham gia SXKD trong HTX của người nông dân huyện Vĩnh Thạnh. Để đạt được mục tiêu đó nghiên cứu đã khảo sát 180 hộ nông dân và sử dụng phần mềm SPSS 25.0 để phân tích thống kê mô tả, kiểm định thang đo, phân tích nhân tố khám phá và phân tích hồi quy. Kết quả phân tích nhân tố khám phá (EFA) gồm 05 nhóm nhân tố: Thái độ của người nông dân, kiểm soát hành vi, kỳ vọng gia đình, năng lực của hợp tác xã và cảm nhận lợi ích. Thái độ của người nông dân, kiểm soát hành vi, kỳ vọng gia đình, năng lực của hợp tác xã, cảm nhận lợi ích tác động cùng chiều ý định tham gia SXKD trong HTX của người nông dân. Mức độ tác động của từng nhân tố với kiểm soát hành vi có mức độ tác động ý định tham gia của nông dân mạnh nhất, kế đến thái độ của người nông dân, kỳ vọng gia đình, cảm nhận lợi ích và năng lực của hợp tác xã.

ABSTRACT

Research with the objective of analyzing the status of participation in production and business activities in agricultural cooperatives of Vinh Thanh district; Determining factors affecting the intention to participate in production and business in cooperatives of farmers in Vinh Thanh district; The degree of influence of each factor on the intention to participate in production and business in cooperatives of farmers in Vinh Thanh district. To achieve that goal, the study surveyed 180 farmer households and used SPSS 25.0 software for descriptive statistics analysis, scale testing, exploratory factor analysis and regression analysis. The results of exploratory factor analysis (EFA) include 5 groups of factors: Farmer's attitude, Perceived behavioral control, Family expectations, Capacity of cooperatives and Perceived benefits. Farmers' attitudes, Perceived behavioral control, family expectations, cooperative capacity, perceived benefits have a positive impact on farmers' intention to participate in production and business in cooperatives. The level of impact of each factor with behavioral control has the strongest impact on the intention to participate of farmers, followed by farmers' attitudes, family expectations, perceived benefits and Capacity of cooperatives.

CAM KẾT

Tôi xin cam kết luận văn này được hoàn thành dựa trên các kết quả nghiên cứu của tôi và các kết quả của nghiên cứu này chưa được dùng cho bất cứ luận văn cùng cấp nào khác.

Cần Thơ, ngày 10 tháng 10 năm 2022

Tác giả

A handwritten signature in blue ink, consisting of a horizontal line at the top, a diagonal line descending from the left, and a vertical line on the right, forming a stylized 'T' or 'A' shape.

Trần Duy Tấn

MỤC LỤC

| | |
|--|-----|
| MỤC LỤC | i |
| DANH MỤC BẢNG | iii |
| DANH MỤC HÌNH | v |
| CHƯƠNG 1: GIỚI THIỆU CHUNG VỀ ĐỀ TÀI..... | 1 |
| 1.1. ĐẶT VẤN ĐỀ..... | 1 |
| 1.2. MỤC TIÊU NGHIÊN CỨU..... | 2 |
| 1.2.1 Mục tiêu chung..... | 2 |
| 1.2.2 Mục tiêu cụ thể..... | 2 |
| 1.3. CÂU HỎI NGHIÊN CỨU..... | 2 |
| 1.4. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHẠM VI NGHIÊN CỨU..... | 3 |
| 1.4.1. Đối tượng nghiên cứu..... | 3 |
| 1.4.2 Phạm vi nghiên cứu..... | 3 |
| 1.5. Ý NGHĨA CỦA NGHIÊN CỨU..... | 3 |
| 1.6. BỐ CỤC CỦA LUẬN VĂN..... | 3 |
| CHƯƠNG 2. CƠ SỞ LÝ THUYẾT VÀ MÔ HÌNH NGHIÊN CỨU..... | 5 |
| 2.1. CÁC LÝ THUYẾT NGHIÊN CỨU..... | 5 |
| 2.1.1. Khái niệm hợp tác xã, hợp tác xã nông nghiệp..... | 5 |
| 2.1.2. Đặc điểm của hợp tác xã, hợp tác xã nông nghiệp..... | 5 |
| 2.1.3. Nguyên tắc tổ chức, hoạt động của hợp tác xã..... | 7 |
| 2.1.4. Quyền của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã..... | 7 |
| 2.1.5. Nghĩa vụ của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã..... | 8 |
| 2.1.6. Quyền và nghĩa vụ của thành viên hợp tác xã..... | 9 |
| 2.1.7 Lý thuyết kinh tế học về hành vi..... | 10 |
| 2.2 MÔ HÌNH KINH TẾ HỢP TÁC XÃ CỦA MỘT SỐ NƯỚC CHÂU Á..... | 12 |
| 2.2.1. Tại Ấn Độ..... | 12 |
| 2.2.2. Tại Nhật Bản..... | 13 |
| 2.2.3. Tại Thái Lan..... | 14 |
| 2.2.4. Tại Malaysia..... | 15 |
| 2.3. CÁC NGHIÊN CỨU TRONG NƯỚC..... | 16 |
| 2.4. MỘT SỐ VẤN ĐỀ VÀ BÀI HỌC RÚT RA CHO VIỆT NAM..... | 18 |
| 2.5 CÁC THÀNH PHẦN, GIẢ THUYẾT VÀ MÔ HÌNH NGHIÊN CỨU..... | 19 |
| 2.5.1. Các thành phần, giả thuyết..... | 19 |
| 2.5.2. Mô hình nghiên cứu..... | 22 |
| CHƯƠNG 3: PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU..... | 24 |
| 3.1. QUI TRÌNH NGHIÊN CỨU..... | 24 |
| 3.2. NGHIÊN CỨU ĐỊNH TÍNH..... | 24 |
| 3.2.1. Xây dựng thang đo..... | 24 |
| 3.2.2 Thiết kế bảng hỏi..... | 26 |
| 3.3 NGHIÊN CỨU ĐỊNH LƯỢNG..... | 26 |
| 3.3.1. Phương pháp chọn vùng nghiên cứu..... | 26 |
| 3.3.2 Phương pháp chọn mẫu..... | 27 |
| 3.3.3 Phương pháp thu thập số liệu..... | 28 |
| 3.3.4 Phương pháp phân tích..... | 28 |
| 3.3.5 Phương pháp nghiên cứu chính thức..... | 29 |
| CHƯƠNG 4: KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ THẢO LUẬN..... | 30 |
| 4.1. KHÁI QUÁT VỀ HỢP TÁC XÃ Ở ĐỊA BÀN HUYỆN VĨNH THẠNH..... | 30 |
| 4.1.1 Tình hình phát triển của Hợp tác xã trên địa bàn..... | 30 |

| | | |
|-------|--|-----|
| 4.1.2 | Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ của các hợp tác xã nông nghiệp | 31 |
| 4.1.3 | Mô hình hợp tác xã nông nghiệp, liên hiệp hợp tác xã | 31 |
| 4.1.4 | Về các cơ chế chính sách | 33 |
| 4.2 | PHÂN TÍCH THỐNG KÊ MÔ TẢ MẪU KHẢO SÁT | 34 |
| 4.3 | PHÂN TÍCH MÔ TẢ CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN Ý ĐỊNH THAM GIA SXKD TRONG HTX NÔNG NGHIỆP | 42 |
| 4.3.1 | Thái độ của người nông dân | 42 |
| 4.3.2 | Kiểm soát hành vi | 47 |
| 4.3.3 | Kỳ vọng gia đình | 51 |
| 4.3.4 | Năng lực của Hợp tác xã | 55 |
| 4.3.5 | Cảm nhận lợi ích | 59 |
| 4.3.6 | Ý định tham gia SXKD trong HTX | 65 |
| 4.4 | PHÂN TÍCH NHÂN TỐ KHÁM PHÁ | 71 |
| 4.4.1 | Kết quả đánh giá thang đo | 71 |
| 4.4.2 | Phân tích nhân tố khám phá | 75 |
| 4.5 | MỨC ĐỘ ẢNH HƯỞNG CỦA TỪNG NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN Ý ĐỊNH THAM GIA SXKD TRONG HTX NÔNG NGHIỆP | 77 |
| | CHƯƠNG 5: KẾT LUẬN VÀ HÀM Ý QUẢN TRỊ | 81 |
| 5.1. | KẾT LUẬN | 81 |
| 5.2. | Hàm ý quản trị | 83 |
| 5.2.1 | Thái độ của người nông dân | 83 |
| 5.2.2 | Kiểm soát hành vi | 85 |
| 5.2.3 | Kỳ vọng gia đình | 85 |
| 5.2.4 | Năng lực của hợp tác xã | 86 |
| 5.2.5 | Cảm nhận lợi ích | 87 |
| 5.3. | HẠN CHẾ CỦA NGHIÊN CỨU VÀ ĐỀ XUẤT HƯỚNG NGHIÊN CỨU TIẾP THEO | 88 |
| | TÀI LIỆU THAM KHẢO | 89 |
| | PHỤ LỤC 1 | 92 |
| | BẢNG CÂU HỎI KHẢO SÁT | 92 |
| | PHỤ LỤC 2 | 95 |
| | KẾT QUẢ PHÂN TÍCH MÔ TẢ MẪU KHẢO SÁT | 95 |
| | PHỤ LỤC 3 | 99 |
| | KẾT QUẢ PHÂN TÍCH MÔ TẢ NHÓM NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN Ý ĐỊNH | 99 |
| | PHỤ LỤC 4 | 103 |
| | PHÂN TÍCH NHÂN TỐ KHÁM PHÁ | 103 |
| | PHỤ LỤC 5 | 108 |
| | KIỂM ĐỊNH SỰ KHÁC BIỆT VÀ PHÂN TÍCH HỒI QUY | 108 |

DANH MỤC BẢNG

| | |
|---|----|
| Bảng 3.1 Thiết kế thang đo..... | 25 |
| Bảng 3.2: Tổng hợp mẫu khảo sát..... | 27 |
| Bảng 4.1: Giới tính của đối tượng khảo sát theo xã | 34 |
| Bảng 4.2: Trình độ học vấn và giới tính của đối tượng khảo sát | 36 |
| Bảng 4.3: Diện tích đất của hộ theo xã..... | 38 |
| Bảng 4.4: Tham gia tổ chức đoàn thể theo trình độ học vấn..... | 40 |
| Bảng 4.5: Khó khăn khi bán sản phẩm và nguyên nhân | 40 |
| Bảng 4.6: Kết quả khảo sát thái độ của người nông dân theo xã | 43 |
| Bảng 4.7: Kết quả khảo sát thái độ của người nông dân theo giới tính | 44 |
| Bảng 4.8: Kết quả khảo sát thái độ của người nông dân theo tuổi..... | 45 |
| Bảng 4.9: Kết quả khảo sát thái độ của người nông dân theo trình độ học vấn..... | 46 |
| Bảng 4.10: Kết quả khảo sát nhân tố kiểm soát hành vi theo xã..... | 47 |
| Bảng 4.11: Kết quả khảo sát nhân tố kiểm soát hành vi theo giới tính | 48 |
| Bảng 4.12: Kết quả khảo sát nhân tố kiểm soát hành vi theo tuổi | 49 |
| Bảng 4.13: Kết quả khảo sát nhân tố kiểm soát hành vi theo trình độ học vấn | 50 |
| Bảng 4.14: Kết quả khảo sát nhân tố kỳ vọng gia đình theo xã | 51 |
| Bảng 4.15: Kết quả khảo sát nhân tố kỳ vọng gia đình theo giới tính | 52 |
| Bảng 4.16: Kết quả khảo sát nhân tố kỳ vọng gia đình theo tuổi..... | 53 |
| Bảng 4.17: Kết quả khảo sát nhân tố kỳ vọng gia đình theo trình độ học vấn..... | 54 |
| Bảng 4.18: Kết quả khảo sát nhân tố năng lực của HTX theo xã | 55 |
| Bảng 4.19: Kết quả khảo sát nhân tố năng lực của HTX theo giới tính..... | 56 |
| Bảng 4.20: Kết quả khảo sát nhân tố năng lực của HTX theo tuổi | 57 |
| Bảng 4.21: Kết quả khảo sát nhân tố năng lực của HTX theo trình độ học vấn | 58 |
| Bảng 4.22: Kết quả khảo sát nhân tố cảm nhận lợi ích theo xã | 59 |
| Bảng 4.23: Kết quả khảo sát nhân tố cảm nhận lợi ích theo giới tính..... | 60 |
| Bảng 4.24: Kết quả khảo sát nhân tố cảm nhận lợi ích theo tuổi | 62 |
| Bảng 4.25: Kết quả khảo sát nhân tố cảm nhận lợi ích theo trình độ học vấn | 63 |
| Bảng 4.26: Kết quả khảo sát ý định tham gia theo xã | 65 |
| Bảng 4.27: Kết quả khảo sát ý định tham gia theo giới tính | 67 |
| Bảng 4.28: Kết quả khảo sát ý định tham gia theo tuổi..... | 68 |
| Bảng 4.29: Kết quả khảo sát ý định tham gia theo trình độ học vấn..... | 69 |
| Bảng 4.30: Kết quả kiểm định thang đo thái độ của người nông dân | 71 |

| | |
|--|----|
| Bảng 4.31: Kết quả kiểm định thang đo kiểm soát hành vi..... | 71 |
| Bảng 4.32: Kết quả đánh giá thang đo kỳ vọng gia đình | 72 |
| Bảng 4.33: Kết quả đánh giá thang đo năng lực của HTX..... | 73 |
| Bảng 4.34: Kết quả đánh giá thang đo cảm nhận lợi ích..... | 73 |
| Bảng 4.35: Kết quả đánh giá thang đo ý định tham gia | 74 |
| Bảng 4.36: Tổng hợp kết quả đánh giá thang đo..... | 74 |
| Bảng 4.37: KMO và Bartlett của các biến độc lập..... | 75 |
| Bảng 4.38: Kết quả ma trận xoay nhân tố | 75 |
| Bảng 4.39: Kết quả kiểm định sự khác biệt..... | 77 |
| Bảng 4.40: Kết quả kiểm định mức độ phù hợp..... | 77 |
| Bảng 4.41: Phân tích phương sai (ANOVA)..... | 78 |
| Bảng 4.42: Kết quả phân tích hồi quy tuyến tính..... | 78 |
| Bảng 4.43: Mức độ tác động của từng nhân tố..... | 79 |

DANH MỤC HÌNH

| | |
|--|----|
| Hình 2.1: Mô hình ý định hành vi | 11 |
| Hình 2.2: Mô hình ý định kinh doanh | 11 |
| Hình 2.3 Mô hình nghiên cứu đề xuất | 23 |
| Hình 4.1: Giới tính của đối tượng khảo sát | 34 |
| Hình 4.2: Tuổi của đối tượng khảo sát | 35 |
| Hình 4.3: Tuổi và giới tính của đối tượng khảo sát..... | 35 |
| Hình 4.4: Trình độ học vấn của đối tượng khảo sát | 36 |
| Hình 4.5: Trình độ học vấn và tuổi của đối tượng khảo sát | 37 |
| Hình 4.6: Diện tích đất sản xuất nông nghiệp của hộ..... | 37 |
| Hình 4.7: Diện tích đất trồng lúa của các hộ | 38 |
| Hình 4.8: Tham gia tổ chức đoàn thể | 38 |
| Hình 4.9: Tham gia đoàn thể theo xã | 39 |
| Hình 4.10: Tham gia tổ chức đoàn thể theo tuổi của đối tượng khảo sát..... | 39 |
| Hình 4.11: Hỗ trợ của cán bộ khuyến nông..... | 41 |
| Hình 4.12: Địa phương hỗ trợ tiếp cận chính sách..... | 41 |
| Hình 4.13: Khó khăn khi tiếp cận vốn vay..... | 42 |
| Hình 4.14: Kết quả khảo sát thái độ của người nông dân | 42 |
| Hình 4.15: Kết quả khảo sát nhân tố kiểm soát hành vi..... | 47 |
| Hình 4.16: Kết quả khảo sát kỳ vọng gia đình | 51 |
| Hình 4.17: Kết quả khảo sát nhân tố năng lực của HTX..... | 55 |
| Hình 4.18: Kết quả khảo sát nhân tố cảm nhận lợi ích..... | 59 |
| Hình 4.19: Kết quả khảo sát ý định tham gia | 65 |

CHƯƠNG 1: GIỚI THIỆU CHUNG VỀ ĐỀ TÀI

1.1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Những năm gần đây, phong trào xây dựng mô hình kinh tế tập thể ở thành phố Cần Thơ khá phát triển, xuất hiện ngày càng nhiều mô hình liên kết, tổ hợp tác, hợp tác xã (HTX) hoạt động hiệu quả, góp phần tạo việc làm và tăng thu nhập cho người dân. Qua 20 năm thành phố thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 18 tháng 3 năm 2002 về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể mà nòng cốt là các HTX có những đóng góp tích cực vào sự phát triển kinh tế - xã hội của thành phố. Theo sở Kế hoạch - Đầu tư ước tính đến cuối năm 2021, toàn thành phố có 294 HTX, tăng 185 HTX so với năm 2001; vốn điều lệ bình quân tăng từ 472 triệu đồng lên 2,39 tỉ đồng/HTX so với năm 2001. Cũng theo phòng Tài chính - kế hoạch huyện Vĩnh Thạnh ước tính đến cuối năm 2021 toàn huyện có khoảng 37 HTX với khoảng hơn 3.700 thành viên và vốn điều lệ khoảng 44,8 tỷ đồng trong đó có 25 HTX nông nghiệp hơn 900 thành viên với tổng vốn điều lệ hơn 25 tỷ đồng. Trong đó, có nhiều HTX điển hình ở lĩnh vực phi nông nghiệp và nông nghiệp, thực hiện liên kết theo chuỗi giá trị, gắn sản xuất với tiêu thụ trong nước và xuất khẩu, góp phần tạo việc làm và tăng thu nhập cho thành viên và người lao động, thúc đẩy kinh tế địa phương phát triển... Đặc biệt trong bối cảnh dịch COVID-19 diễn biến phức tạp, nhiều HTX nông nghiệp đã có cách làm hay, thực hiện tốt dịch vụ liên kết tiêu thụ hàng hóa cho nông dân và thành viên, góp phần giữ vững nhịp sản xuất, ổn định hoạt động kinh doanh, khẳng định vai trò “bà đỡ” cho thành viên và nông dân vào HTX. Nổi bật phải kể đến HTX Nông nghiệp thủy sản Thắng Lợi huyện Vĩnh Thạnh, đã phát huy sức mạnh tập thể, hợp tác cùng nhau nuôi cá tra theo tiêu chuẩn với sản lượng lớn, để cung cấp cho doanh nghiệp chế biến thủy sản xuất khẩu, từng bước ổn định thu nhập và cải thiện đời sống cho người nuôi cá tra tại địa phương.

Xong phần lớn các HTX trên địa bàn thành phố nói chung và huyện Vĩnh Thạnh nói riêng chưa phát triển tương xứng với tiềm năng và lợi thế, bởi chính sách hỗ trợ HTX tuy nhiều nhưng còn chung chung, chưa cụ thể, nên khó áp dụng trong thực tế. Mặt khác, nội lực trong từng HTX chưa đủ mạnh để tiếp cận nguồn vốn cho vay từ các ngân hàng thương mại; chưa tạo được mối liên kết theo chuỗi giá trị, nên dễ gặp rủi ro khi thị trường có biến động, nhất là trong bối cảnh dịch bệnh, biến đổi khí hậu. Để nâng chất hoạt động trong tình hình mới, khu vực kinh tế tập thể, HTX rất cần “cú hích” từ các chính sách hỗ trợ về vốn, thuế, đất đai, xúc tiến thương mại, cơ sở hạ tầng, khoa học công nghệ. Theo đó, các ngành, các cấp từ Trung ương đến địa phương cần tập trung nâng cao năng lực cho cán bộ quản lý HTX; tổ chức đào tạo nghề cho thành viên các HTX tại các vùng sản xuất chủ lực; hỗ trợ tư vấn xây dựng phương án sản xuất, kinh doanh phù hợp với điều kiện sản xuất của địa phương và năng lực nội

tại của các HTX. Hỗ trợ đầu tư cho các HTX, gồm xây dựng cơ sở hạ tầng, vay vốn tín dụng, xúc tiến thương mại, chuyển giao ứng dụng khoa học kỹ thuật và công nghệ mới. Nhân rộng mô hình HTX kiểu mới hiệu quả gắn với sản phẩm chủ lực của huyện Vĩnh Thạnh để thu hút người nông dân tham gia vào HTX... từ đó, sẽ tạo điều kiện xây dựng chuỗi cung ứng các ngành hàng này theo chiều sâu, có hàm lượng khoa học công nghệ cao, an toàn và đáp ứng được hàng rào kỹ thuật, xuất xứ hàng hóa, sở hữu trí tuệ, tăng giá trị thương hiệu, giá trị gia tăng nhằm đáp ứng mục tiêu tham gia vào chuỗi giá trị toàn cầu.

Tuy nhiên trong quá trình phát triển các HTX đặc biệt là HTX nông nghiệp tại thành phố Cần Thơ nói chung và huyện Vĩnh Thạnh nói riêng gặp rất nhiều khó khăn do người nông dân chưa hiểu biết nhiều về mô hình HTX kiểu mới cũng như chưa thấy được lợi ích của việc tham gia HTX. Do đó, việc tìm ra nguyên nhân chủ yếu để kịp thời đưa ra những giải pháp nhằm nâng cao nhận thức của người nông dân về SXKD trong HTX để thu hút sự tham gia của người nông dân là điều hết sức quan trọng. Chính vì vậy, tôi đã lựa chọn việc nghiên cứu “*Các nhân tố ảnh hưởng đến ý định tham gia SXKD trong HTX nông nghiệp của người nông dân huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ*” làm đề tài nghiên cứu của mình.

1.2. MỤC TIÊU NGHIÊN CỨU

1.2.1 Mục tiêu chung

Mục tiêu của nghiên cứu xác định các nhân tố ảnh hưởng đến ý định tham gia SXKD trong Hợp tác xã nông nghiệp của người nông dân huyện Vĩnh Thạnh. Trên cơ sở đó, đề xuất hàm ý quản trị để thu hút sự tham gia SXKD trong HTX nông nghiệp của người nông dân trong thời gian tới.

1.2.2 Mục tiêu cụ thể

Nghiên cứu với các mục tiêu cụ thể sau:

- Xác định các nhân tố ảnh hưởng đến ý định tham gia SXKD trong HTX nông nghiệp của người nông dân huyện Vĩnh Thạnh;
- Mức độ ảnh hưởng của từng nhân tố đến ý định tham gia SXKD trong HTX nông nghiệp của người nông dân huyện Vĩnh Thạnh;
- Đề xuất hàm ý chính sách thu hút sự tham gia SXKD trong HTX nông nghiệp của người nông dân huyện Vĩnh Thạnh.

1.3. CÂU HỎI NGHIÊN CỨU

Những nhân tố nào ảnh hưởng đến ý định tham gia SXKD trong HTX nông nghiệp của người nông dân huyện Vĩnh Thạnh?

Các nhân tố ảnh hưởng tác động như thế nào đến ý định tham gia SXKD trong HTX nông nghiệp của người nông dân huyện Vĩnh Thạnh?

Hàm ý chính sách nào để thu hút sự tham gia của hộ nông dân vào SXKD trong HTX nông nghiệp trong thời gian tới?

1.4. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHẠM VI NGHIÊN CỨU

1.4.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến ý định tham gia SXKD trong HTX nông nghiệp của người nông dân. Đối tượng khảo sát là những người nông dân sản xuất nông nghiệp trên địa bàn huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ.

1.4.2 Phạm vi nghiên cứu

Về vùng nghiên cứu: Địa bàn thực hiện nghiên cứu tại huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ.

Về thời gian: Đề tài nghiên cứu dựa trên số liệu sơ cấp được thu thập từ các thông tin phỏng vấn trực tiếp người nông dân tại vùng nghiên cứu. Thời gian thu thập số liệu sơ cấp vào năm 2022.

1.5. Ý NGHĨA CỦA NGHIÊN CỨU

Việc nghiên cứu đề tài nhằm giúp người nông dân nắm rõ hơn về cách tổ chức hoạt động SXKD trong HTX nông nghiệp. Từ đó tham gia SXKD trong HTX nông nghiệp nhằm cải thiện đời sống cũng như thu nhập của người nông dân.

1.6. BỐ CỤC CỦA LUẬN VĂN

Luận văn bao gồm 5 chương:

Chương 1: Giới thiệu chung về đề tài nghiên cứu. Chương này giới thiệu lý do chọn nghiên cứu, mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể của nghiên cứu, các câu hỏi nghiên cứu cũng như đối tượng, phạm vi nghiên cứu và ý nghĩa của nghiên cứu.

Chương 2: Cơ sở lý thuyết và mô hình nghiên cứu. Chương này trình bày các lý thuyết về khái niệm, đặc điểm, nguyên tắc tổ chức, hoạt động của HTX, quyền và nghĩa vụ của HTX, thành viên HTX. Bên cạnh đó, cũng nêu lên mô hình kinh tế HTX của một số nước Châu Á và các nghiên cứu trong, ngoài nước. Từ đó, Tác giả đặt ra các giả thuyết nghiên cứu và đề xuất mô hình nghiên cứu.

Chương 3: Thiết kế nghiên cứu. Trên cơ sở lý thuyết nghiên cứu và mô hình nghiên cứu, chương này sẽ đưa ra quy trình nghiên cứu, xây dựng thang đo, phương pháp chọn mẫu, phương pháp thu thập dữ liệu, phương pháp phân tích và xử lý số liệu, kiểm định.

Chương 4: Kết quả nghiên cứu và thảo luận. Chương này sẽ giới thiệu khái quát về HTX trên địa bàn, mô tả đối tượng khảo sát, phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến ý định tham gia SXKD trong HTX của nông dân và mức độ tác động của từng nhân tố.

Chương 5: Kết luận và hàm ý chính sách. Dựa vào kết quả nghiên cứu, chương này đề xuất một số hàm ý chính sách thu hút người nông dân tham gia SXKD trong HTX trên địa bàn huyện Vĩnh Thạnh.